

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

22/08/2015

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
1	342205	Nguyễn Đình Chí	3422	8	20	14	17	60	310	270	580	10.0
2	340612	Trần Trí Dũng	3406	5	17	7	7	57	165	255	420	
3	342549	Nguyễn Bá Dũng	3425	6	16	12	10	35	210	120	330	
4	351309	Nguyễn Thanh Hải	3513	7	13	8	3	62	135	285	420	
5	351528	Nguyễn Thị Thu Hằng	3515	7	19	17	12	36	280	125	405	
6	351308	Bùi Thị Thu Trang	3513	2	10	10	9	37	135	130	265	
7	350942	Lý Thị Liễu	3509	5	15	7	12	28	180	80	260	
8	350666	Nguyễn Huy Hoàng	3506	3	9	6		27	65	70	135	
9	361957	Nguyễn Thị Hồng ánh	3619	8	28	26	30	78	495	385	880	10.0
10	361038	Nguyễn Đặng Thanh Thuỷ	3610	9	17	22	16	99	340	495	835	10.0
11	361627	Trịnh Lê Nhung	3616	10	12	21	24	85	360	420	780	10.0
12	361541	Phạm Sơn Lâm	3615	7	17	30	16	70	380	335	715	10.0
13	361136	Lại Thị Thu Thảo	3611	7	13	8	10	98	175	495	670	10.0
14	360331	Phạm Thị Cúc	3603	10	15	22	30	48	420	200	620	10.0
15	361944	Phùng Thị Hoa	3619	7	22	16	17	55	325	240	565	9.5
16	360527	Lê Thị Hà	3605	8	17	13	16	59	275	265	540	9.5
17	361148	Nguyễn Thị Thơm	3611	10	11	23	8	57	260	255	515	9.0
18	361833	Lê Thị Hà Linh	3618	5	14	13	14	59	220	265	485	8.5
19	361513	Lê Thị Quỳnh	3615	5	15	17	16	48	270	200	470	8.0
20	361755	Lê Thị Thanh Trà	3617	10	22	17	16	35	345	120	465	8.0
21	362155	Nguyễn Thị Hằng	3621	7	14	11	16	50	240	215	455	8.0
22	361344	Ngô Trung Kiên	3613	5	21	13	13	46	260	190	450	8.0
23	360509	Nghiều Văn Đại	3605	7	14	10	10	51	190	220	410	
24	361338	Nguyễn Thị Phương	3613	6	8	10	16	51	185	220	405	
25	360338	Nguyễn Thị Mai Hương	3603	7	19	17	11	35	275	120	395	
26	361754	Lại Thị Huê	3617	8	11	11	12	38	195	140	335	
27	362239	Trịnh Thị Loan	3622	5	14	15	3	37	170	130	300	
28	361445	Lê Thị Yến	3614	9	20	8	7	26	210	65	275	
29	361045	Chu Đình Hạnh	3610	3	9		8	42	75	165	240	
30	361129	Phạm Văn Cường	3611	3	11	9	4	34	115	115	230	
31	362606	Nguyễn Như Quỳnh	3626		7	10	7	36	95	125	220	
32	362122	Dương Thị Thuỷ	3621	6	7	6	6	24	100	50	150	
33	372558	Nguyễn Xuân Phương	3725	8	27	24	26	77	470	380	850	10.0
34	370138	Đỗ Ngọc Ly	3701	8	25	17	21	57	385	255	640	10.0
35	371731	Trần Mạnh Hà	3717	9	22	20	19	57	380	255	635	10.0
36	372542	Nguyễn Văn Quyền	3725	8	18	18	27	56	385	250	635	10.0
37	370336	Ngô Thị Như Nguyễn	3703	9	19	20	19	56	360	250	610	10.0
38	370438	Phạm Ngọc Mai	3704	7	17	18	21	56	330	250	580	10.0
39	372319	Nguyễn Thị Kim Ngân	3723	6	22	14	13	64	280	300	580	10.0
40	372524	Trần Thị Thủy	3725	7	15	11	12	71	215	340	555	9.5
41	372630	Lê Thị Nhung	3726	8	14	17	14	62	270	285	555	9.5
42	372440	Nguyễn Thị Thanh Hương	3724	9	24	20	8	51	320	220	540	9.5
43	371028	Nguyễn Thái Sơn	3710	5	16	15	15	59	255	265	520	9.0
44	372812	Nguyễn Thị Hoài	3728	6	16	17	16	50	280	215	495	8.5
45	372324	Trần Quỳnh Trang	3723	3	13	16	15	56	230	250	480	8.5
46	372650	Nguyễn Thị Thái	3726	8	18	9	20	47	280	195	475	8.5
47	372557	Nguyễn Thị Thanh	3725	6	17	16	11	50	250	215	465	8.0
48	372325	Nguyễn Thanh Loan	3723	7	16	20	14	41	295	160	455	8.0

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

22/08/2015

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
49	370866	Nguyễn Thanh Long	3708	7	13	12	11	53	200	230	430	
50	371652	Phan Thị Phương Nhung	3716	8	18	10	13	40	245	150	395	
51	372330	Lê Hưng Tứ	3723	6	15	14	19	34	275	115	390	
52	370354	Nguyễn Thị Hưởng	3703	6	13	17	13	38	245	140	385	
53	372331	Đỗ Hồng Ngọc	3723		20	28	12	22	315	40	355	
54	371833	Trần Thu Trang	3718	7	16	14	10	33	230	110	340	
55	372547	Phí Công Minh	3725	4	18	10	12	36	210	125	335	
56	372817	Trần Thị Trang	3728	2	10	11	9	41	140	160	300	
57	371869	Trần Thị Thuý An	3718	2	7	3	13	29	100	85	185	
58	372445	Nguyễn Thị Cách	3724	8	21		3	8	140	5	145	
59	371434	Nguyễn Tuấn Hải	3714									
60	382543	Vũ Khánh Chi	3825	10	26	28	24	93	485	470	955	10.0
61	382451	Hà Thanh Phúc	3824	10	26	27	26	91	490	455	945	10.0
62	380562	Nguyễn Hoàng Thu Hà	3805	10	25	28	27	87	495	430	925	10.0
63	382548	Vương Mạc Khải	3825	10	24	28	26	86	485	425	910	10.0
64	380560	Nguyễn Phương Anh	3805	8	30	23	19	80	440	395	835	10.0
65	380145	Ngô Hoàng Hải	3801	8	23	23	27	77	445	380	825	10.0
66	381855	Dương Thu Hà	3818	10	21	23	19	82	395	405	800	10.0
67	381760	Nguyễn Xuân Tùng	3817	9	23	27	27	62	475	285	760	10.0
68	382718	Bùi Chính Tâm	3827	10	24	20	22	64	410	300	710	10.0
69	382039	Lê Xuân Tùng	3820	8	24	14	18	74	340	360	700	10.0
70	381756	Đào Việt Hà	3817	9	27	20	21	53	420	230	650	10.0
71	382467	Nguyễn Thị Thanh An	3824	9	18	18	10	73	280	355	635	10.0
72	381228	Nguyễn Thị Nga	3812	7	23	18	13	57	320	255	575	10.0
73	381966	Nguyễn Duy Hữu Nghĩa	3819	5	25	13	16	51	310	220	530	9.0
74	380744	Vũ Thị Phương Chi	3807	6	19	13	15	55	270	240	510	9.0
75	381751	Trần Nhật Phương	3817	8	21	16	12	50	295	215	510	9.0
76	381847	Phạm Thu Thảo	3818	4	14	13	13	57	210	255	465	8.0
77	382048	Lê Thị Loan	3820	7	16	14	9	43	220	170	390	
78	392335	Đinh Ngọc Thu Hà	3923	8	21	17	14	70	315	335	650	10.0
79	392336	Nguyễn Thị Ngọc Anh	3923	9	17	18	14	50	300	215	515	9.0

Hà Nội, Ngày tháng năm 2015

TRUNG TÂM TIN HỌC

PHÒNG ĐÀO TẠO

THANH TRA ĐÀO TẠO

TRUNG TÂM ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

BAN GIÁM HIỆU